TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ H** **TỈNH B L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2021
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH B L

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Thanh Tiền
2/. Bà Phạm Thị Nhâm

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H , tỉnh B L .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:523/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L , sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp 3, thị trấn G H , huyện Đ H , tỉnh B L
2/. *Bị đơn:* AnhHoàng Văn T , sinh năm 1966
Địa chỉ: ấp 3, thị trấn G H , huyện Đ H , tỉnh B L
(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T chung sống với nhau vào năm 1988, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị L xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cải vả do bất đồng quan điểm sống khiến cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con, vợ chồng cãi vả thì anh T đánh chị, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T , không thể chung sống được với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anhHoàng Văn T

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định chị có 02 người con chung tên Hoàng Văn Đ, sinh năm 1988 và Hoàng Thị Th, sinh năm 1990, hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Hoàng Văn T : Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T .

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T . Anh Hoàng Văn T có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H . Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị L có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L .

Anh Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anhHoàng Văn T .

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn T chung sống với nhau vào năm 1988, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đến nay anh chị đã có con chung nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị L và anh T là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị L và anh T không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh T thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị L và anh T ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Hoàng Văn Đ, sinh năm 1988 và Hoàng Thị Th, sinh năm 1990, hiện 02 người con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên khi ly hôn chị không đặt ra xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn T là vợ chồng.

2/. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007950 ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN Đ H .

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn T được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B L ;
- VKSND huyện Đ H ;
- Chi cục THADS huyện Đ H ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích